

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 37/2023/DS-ST
Ngày: 29 – 9 – 2023
V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lil

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Âu Cần Đông

Ông Lê Văn Qui

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2023/TLST-DS, ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2022/QĐXX-ST, ngày 05 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2023/QĐST-DS, ngày 18 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lâm Văn B, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Phan Văn L (vắng mặt).

Địa chỉ: khu vực 6, phường Th, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình thu thập chứng cứ, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Lâm Văn B trình bày:

Vào ngày 22/12/2022 ông Lâm Văn B có hợp đồng đặt cọc với ông Phan Văn L để mua số lượng lúa OM Đài Thơm 8 trên diện tích 40 công tầm 03 mét. Ông B đã giao cho ông L số tiền cọc 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), việc giao nhận tiền cọc có lập biên nhận. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền cọc thì

ông L không thực hiện đi mua lúa để bán cho ông B mà lấy tiền tiêu xài. Sau đó, ông B yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết thì ông L có trả cho ông B được số tiền 10.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 10.000.000 đồng thì không thực hiện trả cho đến nay.

Nay ông Lâm Văn B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Phan Văn L có nghĩa vụ trả cho ông B số tiền cọc đã nhận là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn ông Phan Văn L nhưng bị đơn ông Phan Văn L vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành ghi lời khai được đối với bị đơn ông Phan Văn L, cũng như bị đơn ông Phan Văn L có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Văn B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phan Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Phan Văn L vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Phan Văn L.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”. Căn cứ Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về nội dung: Vào ngày 22/12/2022 ông Lâm Văn B có hợp đồng đặt cọc với ông Phan Văn L để mua số lượng lúa OM Đài Thơm 8 trên diện tích 40 công tằm 03 mét. Ông B đã giao cho ông L số tiền cọc 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*), việc giao nhận tiền cọc có lập biên nhận. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền cọc thì ông L không thực hiện đi mua lúa để bán cho ông B mà lấy tiền tiêu xài. Sau đó, ông B yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết thì ông L có trả cho ông B được số tiền 10.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 10.000.000 đồng thì không thực hiện trả cho đến nay.

Tại phiên tòa, ông Lâm Văn B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Phan Văn L có nghĩa vụ trả cho ông Lâm Văn B số tiền còn nợ là 10.000.000 đồng.

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Phan Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử xem như bị đơn ông Phan Văn L đã từ bỏ việc cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình cũng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Văn B.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng đặt cọc mua bán lúa giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, bên đặt cọc là ông B giao đủ số tiền cọc cho bên nhận cọc là ông L như đã thỏa thuận. Tuy nhiên, sau khi nhận số tiền cọc 20.000.000 đồng của ông Lâm Văn B thì ông L không thực hiện đúng như thỏa thuận là đi mua lúa để bán cho ông B mà lấy tiền tiêu xài.

Theo quy định Khoản 2 Điều 328 của Bộ luật dân sự 2015 quy định *“Trường hợp hợp đồng được giao kết, thực hiện thì tài sản đặt cọc được trả lại cho bên đặt cọc hoặc được trừ để thực hiện nghĩa vụ trả tiền; nếu bên đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì tài sản đặt cọc thuộc về bên nhận đặt cọc; nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”*. Như vậy, bị đơn ông Phan Văn L đã nhận số tiền cọc của ông Lâm Văn B nhưng không thực hiện việc mua lúa để bán cho ông B theo như thỏa thuận đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lâm Văn B. Do đó, nguyên đơn ông Lâm Văn B khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phan Văn L có nghĩa vụ trả số tiền cọc còn nợ 10.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn ông Phan Văn L phải chịu 500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 328, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Văn B đối với bị đơn ông Phan Văn L.

2. Buộc bị đơn ông Phan Văn L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Lâm Văn B số tiền cọc còn nợ là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Phan Văn L phải chịu nộp 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*).

Nguyên đơn ông Lâm Văn B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0004606, lập ngày 04/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn ông Phan Văn L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKS ND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Lil